

Số: 1322/QĐ-VHS-KHCN

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tính điểm công trình khoa học
áp dụng tại Viện nghiên cứu Hải sản**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-BQG-TCCB ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-HĐGSQG ngày 10/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng giáo sư Nhà nước phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-VHS ngày 20/11/2017 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tính điểm công trình khoa học;

Căn cứ kết luận của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản tại cuộc họp giao ban tháng 4/2020 về việc rà soát, sửa đổi bổ sung Quy định tính điểm công trình khoa học của Viện ngày 17/4/2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định tính điểm công trình khoa học áp dụng tại Viện nghiên cứu Hải sản (Quy định ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quy định này là căn cứ để xác định thành tích nghiên cứu khoa học và đào tạo hàng năm, từng giai đoạn của đơn vị/cá nhân trực thuộc Viện nghiên cứu Hải sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1725/QĐ-VHS ngày 20/11/2017.

Điều 4. Các Ông (bà): Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo; Trưởng các đơn vị, cán bộ, công chức viên chức và lao động thuộc Viện chịu thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Viện;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: VT, KHCN.



Nguyễn Khắc Bát



QUY ĐỊNH TÍNH ĐIỂM CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-VHS-KHCN ngày 30/11/2020
của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản)*

1. Đối tượng và mục tiêu

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho đơn vị và cá nhân (công chức, viên chức và lao động của Viện nghiên cứu Hải sản) khi tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo.

- Mục tiêu: Nhằm xác định thành tích nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm, từng giai đoạn của đơn vị/cá nhân trực thuộc Viện nghiên cứu Hải sản, đảm bảo sự công bằng cho đơn vị/cá nhân trong các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo.

2. Một số quy định chung

- Điểm công trình khoa học của Viện nghiên cứu Hải sản theo quy định nhà nước và theo thực tế thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

- Nhiệm vụ mới: Một nhiệm vụ được coi là mới khi có quyết định phê duyệt và đã ký kết hợp đồng.

- Nhiệm vụ cấp Quốc gia: Các đề tài/dự án/đề án/nhiệm vụ/chương trình do Bộ KH&CN quản lý; các đề tài/dự án/đề án/nhiệm vụ của các Bộ khác thuộc chương trình/đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Nhiệm vụ cấp Bộ: Các đề tài/dự án/đề án/nhiệm vụ/chương trình do các Bộ (trừ Bộ KH&CN) phê duyệt, quản lý.

- Nhiệm vụ cấp Tỉnh/Thành phố: Các đề tài/dự án/đề án/nhiệm vụ/chương trình do UBND, Sở, Chi cục thuộc Tỉnh/Thành phố phê duyệt, quản lý.

- Nhiệm vụ HTQT: Các đề tài/dự án HTQT, nghị định thư, song phương, đa phương.

- Hợp đồng HTQT: Là hợp đồng giữa Viện, Phân Viện, Trung tâm hoặc được Viện trưởng ủy quyền ký với các đơn vị, tổ chức quốc tế.

- Hợp đồng: Là hợp đồng giữa Viện, Phân Viện, Trung tâm hoặc được Viện trưởng ủy quyền ký với các đơn vị, tổ chức ngoài Viện.

3. Phương pháp tính điểm

3.1. Điểm cộng:

- Điểm tìm kiếm, điểm thực hiện, điểm nghiệm thu tính theo nhiệm vụ các cấp: Quốc gia, Bộ, Tỉnh/Thành phố, HTQT, Hợp đồng. Điểm kinh phí (điểm thưởng) tính theo kinh phí ký kết hợp đồng và theo kinh phí được cấp hàng năm.

- Đối với các nhiệm vụ thường niên có thuyết minh, dự toán, nghiệm thu hàng năm, không được tính điểm tìm kiếm nhiệm vụ hàng năm.

- Đối với nhiệm vụ gia hạn: Nếu gia hạn sang năm tiếp theo (so với thời hạn năm trước phải nghiệm thu theo HĐ cũ) thì sẽ không được tính điểm thực hiện nhiệm vụ của năm gia hạn, kể cả điểm thưởng kinh phí.

- Điểm tìm kiếm: Người đề xuất (30%), Chủ nhiệm (30%); thành viên tham gia (40% chia đều).

- Điểm triển khai nhiệm vụ hàng năm, điểm nghiệm thu nhiệm vụ KHCVN, điểm kinh phí, điểm trừ: Chủ nhiệm (40%); thư ký khoa học (10%); thành viên tham gia + thư ký khoa học (50%).

- Điểm kinh phí quy đổi 100 triệu đồng là 0,1 điểm.

- Điểm bài báo: 01 tác giả được 100%; 02 tác giả: tác giả chính 60%, tác giả còn lại 40%; nhiều tác giả: tác giả chính 50%, còn lại 50% chia đều.

+ Bài báo quốc tế: Chia thành các loại ISI/Scopus/Scimago, peer-review và tạp chí quốc tế khác. Đối với bài báo ISI/Scopus bằng chỉ số Impact Factor (IF) x 10 lần; Scimago dựa vào chỉ số Q1-Q4. Một bài báo cùng nằm trong các hệ thống này, lấy cách tính điểm cao nhất.

+ Báo cáo hoặc bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu (proceedings) tại Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, được chia ra nhiều loại: tại nhà xuất bản (có phản biện), tại nhà xuất bản (không phản biện)...

+ Tham gia Hội nghị, hội thảo có bài trình bày hoặc đăng abstract hay tóm tắt trong các Hội nghị, Hội thảo khoa học trong và quốc tế.

- Điểm sách phục vụ đào tạo, nghiên cứu đã được xuất bản: do tập thể biên soạn thì người chủ biên (nếu có) được tính 1/5 số điểm, 4/5 số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng người tham gia viết, kể cả chủ biên nếu tham gia viết sách. Các trường hợp: Các tác giả viết toàn bộ nội dung sách; Tác giả là biên tập sách (Eds.); Tác giả của 1 chương sách hay một bài viết trong sách.

- Điểm phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, tiến bộ kỹ thuật, sáng kiến, bản quyền tác giả, QCVN, TCVN...; giải thưởng khoa học công nghệ các cấp: Cách tính điểm như cách tính điểm bài báo.

- Điểm hướng dẫn NCS, học viên cao học, sinh viên đại học bảo vệ thành công luận án, luận văn, đồ án tốt nghiệp được tính như sau: Nếu 1 người hướng dẫn thì được 100% số điểm; nếu tập thể hướng dẫn thì người hướng dẫn chính được tính 3/4 số điểm, người hướng dẫn phụ được tính 1/4 số điểm (nếu có từ 2 người hướng dẫn phụ trở lên thì số điểm dành cho những người hướng dẫn phụ được chia đều).

- Điểm đào tạo sau đại học (tiến sỹ, thạc sỹ), chứng chỉ tiếng anh IELTS 5.0 hoặc tương đương trở lên: Chỉ tính điểm sau khi có bằng hoặc chứng chỉ.

3.2. Điểm trừ

- Chậm nghiệm thu cơ sở: 1 tháng trừ 20% điểm nghiệm thu. Chậm 5 tháng không được tính điểm nghiệm thu. Chậm 6 tháng trở lên không được tính điểm triển khai hàng năm, điểm kinh phí (điểm thưởng).

- Nhiệm vụ nghiệm thu không đạt, nhiệm vụ phải dừng thực hiện: không được tính điểm nhiệm vụ.

4. Biểu thang điểm chi tiết

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
I	Nhiệm vụ KHCN (ĐT, DA, NV, HĐ...)	
1	Tìm kiếm và được chấp nhận nhiệm vụ (đấu thầu, chỉ định, được giao...)	
1.1	Điểm tìm kiếm nhiệm vụ	
	- Cấp Quốc gia (QG)	5,0
	- Nhiệm vụ HTQT	5,0
	- Cấp Bộ	4,0
	- Cấp Tỉnh/TP	3,0
	- Hợp đồng HTQT	2,0
	- Hợp đồng	1,0
1.2	Điểm kinh phí (điểm thưởng) cho nhiệm vụ	
	Điểm thưởng theo quy mô kinh phí ký hợp đồng Tổng điểm của nhiệm vụ = Tổng KP x 0,1 điểm/ 100trđ	Theo thực tế kinh phí
2	Nhiệm vụ đang triển khai hàng năm	
2.1	Điểm triển khai hàng năm các cấp	
a	Cấp Quốc gia; tổng điểm, trong đó:	5,0
	Chủ nhiệm	2,0
	Thư ký khoa học	0,5
	Những người tham gia	2,5
b	Nhiệm vụ HTQT; tổng điểm, trong đó:	5,0
	Chủ nhiệm	2,0
	Thư ký khoa học	0,5
	Những người tham gia	2,5
c	Cấp Bộ; tổng điểm, trong đó:	4,0
	Chủ nhiệm	1,6
	Thư ký khoa học	0,4
	Những người tham gia	2,0
d	Cấp tỉnh/TP; tổng điểm, trong đó:	3,0
	Chủ nhiệm	1,2
	Thư ký khoa học	0,3
	Những người tham gia	1,5
e	Hợp đồng HTQT; tổng điểm, trong đó:	2,0
	Chủ trì hợp đồng	0,8
	Những người tham gia	1,2
f	Hợp đồng; tổng điểm, trong đó:	1,0
	Chủ trì hợp đồng	0,4
	Những người tham gia	0,6
2.2	Điểm kinh phí (điểm thưởng) triển khai hàng năm	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
	Điểm thưởng theo quy mô kinh phí triển khai hàng năm Tổng điểm = Tổng KP x 0,1 điểm/100 trđ	Theo thực tế kinh phí
3	Nghiệm thu cấp quản lý (chính thức)	
3.1	Xếp loại xuất sắc	
<i>a</i>	<i>Cấp Quốc gia; tổng điểm, trong đó:</i>	10,0
	Chủ nhiệm	4,0
	Thư ký khoa học	1,0
	Những người tham gia	5,0
<i>b</i>	<i>Nhiệm vụ HTQT; tổng điểm, trong đó:</i>	10,0
	Chủ nhiệm	4,0
	Thư ký khoa học	1,0
	Những người tham gia	5,0
<i>c</i>	<i>Cấp Bộ; tổng điểm, trong đó:</i>	8,0
	Chủ nhiệm	3,2
	Thư ký khoa học	0,8
	Những người tham gia	4,0
<i>d</i>	<i>Cấp tỉnh/TP; tổng điểm, trong đó:</i>	6,0
	Chủ nhiệm	2,4
	Thư ký khoa học	0,6
	Những người tham gia	3,0
3.2	Xếp loại Đạt	
<i>a</i>	<i>Cấp Quốc gia; tổng điểm, trong đó:</i>	4,0
	Chủ nhiệm	1,6
	Thư ký khoa học	0,4
	Những người tham gia	2,0
<i>b</i>	<i>Nhiệm vụ HTQT; tổng điểm, trong đó:</i>	4,0
	Chủ nhiệm	1,6
	Thư ký khoa học	0,4
	Những người tham gia	2,0
<i>c</i>	<i>Cấp Bộ; tổng điểm, trong đó:</i>	3,0
	Chủ nhiệm	1,2
	Thư ký khoa học	0,3
	Những người tham gia	1,5
<i>d</i>	<i>Cấp tỉnh/TP; tổng điểm, trong đó:</i>	2,0
	Chủ nhiệm	0,8
	Thư ký khoa học	0,2
	Những người tham gia	1,0
<i>e</i>	<i>Hợp đồng HTQT (có thành lập HĐ); tổng điểm, trong đó:</i>	1,5

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
	Chủ trì HĐ	0,6
	Những người tham gia	0,9
f	Hợp đồng (có thành lập HĐ); tổng điểm, trong đó:	1,0
	Chủ trì HĐ	0,4
	Những người tham gia	0,6
g	Hợp đồng HTQT, Hợp đồng (không thành lập HĐ); tổng điểm, trong đó:	0,5
	Chủ trì HĐ	0,2
	Những người tham gia	0,3
II	Bài báo đã đăng	
1	Tạp chí quốc tế:	
	ISI/Scopus: Hệ số IF x 10 lần	
	Scimago:	
	+ Q4	8
	+ Q3	14
	+ Q2	26
	+ Q1	65
	Bài báo quốc tế: Peer-review	5,0
2	Các tạp chí khoa học nước ngoài khác	
	- Có ISSN	3,0
	- Không có ISSN	1,0
3	Báo cáo hoặc bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu (proceedings) tại Hội nghị quốc tế:	
	- Tại nhà xuất bản (có phản biện)	3,0
	- Khác (có phản biện)	1,5
	- Khác (không phản biện)	0,75
	- Trình bày hoặc đăng abstract	0,5
4	Báo cáo hoặc bài báo đăng toàn văn trong kỷ yếu (proceedings) tại Hội nghị trong nước:	
	- Khoa học Quốc gia, cấp Bộ (có phản biện)	1,0
	- Khoa học QG, cấp Bộ (không có phản biện)	0,5
	- Cấp Viện, Trường (có phản biện)	0,75
	- Cấp Viện, trường (không có phản biện)	0,5
	- Trình bày hoặc đăng abstract	0,3
5	Tạp chí khoa học Việt Nam trong ACI	3,0
6	Tạp chí cấp Bộ, Quốc gia:	
	- Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,0
	- Tạp chí Hoạt động khoa học (Bộ KH&CN)	0,75
	- Tạp chí Thủy sản VN; Thương mại Thủy sản	0,5
	- Khác	0,5
7	Tạp chí cấp Trường, Viện:	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
	- Tạp chí KH (ĐH Cần Thơ)	1,0
	- Tạp chí KH (ĐH Quốc gia Hà Nội)	1,0
	- Tạp chí Sinh học, CN Sinh học, KH và CN biển (Viện KH&CN VN)	1,0
	- Tạp chí KHQG Việt Nam (Học viện QG)	1,0
	- Tạp chí KHCN thủy sản (ĐH Nha Trang)	1,0
	- Tạp chí KH (ĐH Huế)	0,75
	- Tạp chí KH (ĐH Vinh)	0,75
	- Tạp chí KH (ĐH Huế)	0,75
	- Tạp chí KH (Học viện Nông nghiệp)	0,75
	- Tạp chí KH (Bộ Công Thương)	0,75
	- Khác	0,5
8	Bài đã đăng trong tuyển tập (tại nhà xuất bản):	
	- Kết quả NC KHCN nổi bật cấp Quốc gia	1,5
	- Kết quả NC KHCN nổi bật cấp Bộ	1,0
	- Kết quả NC KHCN nổi bật cấp Tỉnh/Thành phố	0,75
9	Bài báo khoa học đăng bản tin Viện (Ấn phẩm KHCN Nghề cá biển)	0,3
III	Sách được xuất bản	
1	Sách chuyên khảo được cơ sở đào tạo sử dụng để đào tạo từ trình độ đại học trở lên	10,0
2	Sách chuyên khảo phục vụ hoạt động nghiên cứu	7,0
3	Giáo trình giảng dạy, học tập, thủ trưởng cơ sở đào tạo (hoặc Bộ GD&ĐT) phê duyệt	4,0
4	Sách tham khảo được cơ sở đào tạo dùng cho giảng viên và người học	3,0
5	Sách hướng dẫn được cơ sở đào tạo dùng làm tài liệu hướng dẫn người học	2,0
6	Đối với sách xuất bản quốc tế tại nhà xuất bản (điểm KH bằng 2 lần sách xuất bản trong nước). Không tại nhà xuất bản bằng sách xuất bản trong nước.	
7	Tác giả là biên tập sách (Eds.); tác giả của một chương sách hay một bài viết trong sách xuất bản quốc tế tại nhà xuất bản	3,0
8	Tác giả là biên tập sách (Eds.); tác giả của một chương sách hay một bài viết trong sách xuất bản quốc tế không tại nhà xuất bản	1,0
9	Tác giả của một chương sách hay một bài viết trong sách xuất bản trong nước	1,0
10	Tác giả vừa là biên tập sách (Eds.), vừa là tác giả của một chương sách hay một bài viết trong sách (điểm KH bằng tổng các nội dung tham gia nhưng không vượt quá điểm KH tính cho cuốn sách đó)	
IV	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, tiến bộ kỹ thuật, sáng kiến, bản quyền tác giả, QCVN, TCVN ...	
1	- Được cấp Bằng độc quyền sáng chế - Được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích - Đơn được chấp nhận có QĐ thẩm định	20,0 15,0 1,0
2	Được công nhận tiến bộ kỹ thuật:	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
	- Cấp Bộ/Tổng cục	8,0
	- Cấp tỉnh/thành phố	5,0
3	Được công nhận sáng kiến:	
	- Sáng kiến cấp Quốc gia	10,0
	- Sáng kiến cấp Bộ	6,0
	- Sáng kiến cấp Tỉnh/thành phố	4,0
	- Sáng kiến cấp Viện	3,0
4	Bản quyền tác giả	3,0
5	Đóng góp ban hành Thông tư, QCVN, TCVN, hướng dẫn kỹ thuật, chứng nhận VILAS, ISO, chứng nhận đủ điều kiện trong hoạt động chuyên môn, chuyên ngành và các hình thức khác tương đương	2,0
V	Giải thưởng khoa học công nghệ	
	- Giải thưởng Hồ Chí Minh	50,0
	- Giải thưởng Nhà nước (VIFOTEC....)	10,0
	- Giải thưởng cấp Bộ (Bông lúa vàng....)	6,0
	- Giải thưởng cấp Tỉnh/thành phố	4,0
	- Giải thưởng khác	1,0
VI	Đào tạo	
1	Hướng dẫn NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ: - Hướng dẫn chính - Hướng dẫn phụ	3,0 1,0
2	Hướng dẫn HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ: - Hướng dẫn chính - Hướng dẫn phụ	1,5 0,5
3	Hướng dẫn SV bảo vệ thành công đồ án tốt nghiệp: - Hướng dẫn chính - Hướng dẫn phụ	0,75 0,25
4	Người bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ (có bằng)	10,0
5	Người bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ (có bằng)	3,0
6	Giảng dạy (NCS, Cao học, sinh viên...): có Hợp đồng và thanh lý HĐ với cơ sở đào tạo: - Từ 190 giờ/năm trở lên - Từ 150 giờ/năm đến dưới 190 giờ/năm - Từ 100 giờ/năm đến dưới 150 giờ/năm - Từ 50 giờ/năm đến dưới 100 giờ/năm - Dưới 50 giờ/năm	2,5 2,0 1,5 1,0 0,5
7	Người thi đạt chứng chỉ IELTS hoặc tương đương (có chứng chỉ): - Từ 7.0 trở lên - Từ 6.0 đến dưới 7.0 - Từ 5.0 đến dưới 6.0	4,0 3,0 2,0

6. Thời gian tính điểm: Tính kết quả hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo trong 01 năm, từ ngày 01/12 năm trước đến 31/11 năm sau.

7. Hồ sơ tính điểm

7.1. Biểu mẫu tính điểm:

- Biểu mẫu tổng hợp các đơn vị (Biểu 1);
- Biểu mẫu chi tiết các đơn vị (Biểu 2);
- Biểu mẫu Quyết định phê duyệt tính điểm hàng năm (Biểu 3);

7.2. Thời gian nhận hồ sơ:

- Nơi nhận hồ sơ: Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo
- Thời hạn nhận hồ sơ hàng năm: chậm nhất ngày 31/11 hàng năm.

7.3. Quyết định công nhận tính điểm:

Viện trưởng ký Quyết định công nhận tính điểm hàng năm sau khi có đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo.

7.4. Quản lý hồ sơ:

Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo quản lý hồ sơ toàn Viện. Các đơn vị chuyên môn quản lý hồ sơ của đơn vị mình.

8. Tổ chức thực hiện

- Điểm công trình khoa học sẽ do các đơn vị tự chấm, sau đó Hội đồng Khoa học và Đào tạo sẽ rà soát lại.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị/cá nhân có ý kiến gửi về Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo; Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo trước khi trình Viện trưởng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Biểu 1

BẢNG TỔNG HỢP TÍNH ĐIỂM CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM...

Đơn vị:

STT	Họ và tên	Tổng điểm	Điểm nhiệm vụ khoa học			Điểm bài báo			Điểm sách đào tạo			Điểm phát minh, SC, GPHL, TBKT...			Điểm giải thưởng KHCN			Điểm đào tạo		
			Chủ nhiệm	Thư ký	Thành viên	Tổng điểm	Chính	Phụ	Tổng điểm	Chính	Phụ	Tổng điểm	Chính	Phụ	Tổng điểm	Chính	Phụ	Tổng điểm	Chính	Phụ
1	Nguyễn Văn A																			
2	Nguyễn Văn B																			
3	Nguyễn Văn C																			
n																				
	Cộng:	X				X ₁			X ₂			X ₃			X ₄			X ₅		X ₆

Ghi chú:

Cột (1) xếp theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp, căn cứ vào cột (3)

Cột (3) = (7) + (10) + (13) + (16) + (19) + (22)

Cột (7) = (4) + (5) + (6)

Cột (10) = (8) + (9)

Cột (13) = (11) + (12)

Cột (16) = (14) + (15)

Cột (19) = (17) + (18)

Cột (22) = (20) + (21)

X = Tổng điểm của đơn vị = Cộng điểm cột (3) = X₁ + X₂ + X₃ + X₄ + X₅ + X₆

X_{TB} = X/n = Điểm bình quân 01 người của đơn vị (n = số cán bộ, công chức viên chức và lao động của đơn vị)



Biểu 2

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÍNH ĐIỂM CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM...

Đơn vị:

A		NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
I		Tìm kiếm được chấp nhận + điểm thưởng							
<i>STT</i>	<i>Tên nhiệm vụ</i>	<i>Cấp quản lý, số QĐ, số HD, thời gian thực hiện</i>	<i>Tổng điểm</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh (người đề xuất, chủ nhiệm, tham gia)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>		
1	Nhiệm vụ:			- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Đề xuất (30%) - Chủ nhiệm (30%) - Tham gia (40%)				
2	Nhiệm vụ:								
II		Nhiệm vụ đang triển khai + điểm thưởng							
<i>STT</i>	<i>Tên nhiệm vụ</i>	<i>Cấp quản lý, thời gian thực hiện</i>	<i>Tổng điểm</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh (chủ nhiệm, thư ký, tham gia)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>		
1	Nhiệm vụ:			- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Chủ nhiệm (40%) - Thư ký (10%) - Tham gia (50%)				
2	Nhiệm vụ:								
III		Nhiệm vụ đã nghiệm thu cấp quản lý							
<i>STT</i>	<i>Tên nhiệm vụ</i>	<i>Cấp quản lý, kết quả (Xuất sắc, khá-đạt, không đạt)</i>	<i>Tổng điểm</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh (chủ nhiệm, thư ký, tham gia)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>		
1	Nhiệm vụ:			- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Chủ nhiệm (40%) - Thư ký (10%) - Tham gia (50%)				
2	Nhiệm vụ:								
IV		Điểm trừ							
<i>STT</i>	<i>Tên nhiệm vụ</i>	<i>Điểm trừ/Nhiệm vụ</i>	<i>Tổng điểm</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh (chủ nhiệm, thư</i>	<i>Điểm từng</i>	<i>Ghi chú</i>		

							<i>ký, tham gia)</i>	<i>người</i>	
1	Nhiệm vụ:						- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Chủ nhiệm (40%) - Thư ký (10%) - Tham gia (50%)	
2	Nhiệm vụ:								
B	BÀI BÁO CÔNG BỐ								
<i>STT</i>	<i>Tên bài báo</i>	<i>Tạp chí (tuyển tập), số, năm công bố, chỉ số IF nếu có</i>	<i>Tổng điểm</i>			<i>Tác giả</i>	<i>Chức danh (tác giả chính, đồng tác giả)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bài báo:					- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Tác giả chính (50%) - Đồng tác giả (50%)		
2	Bài báo:								
C	SÁCH XUẤT BẢN								
<i>STT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Loại sách (chuyên khảo, giáo trình...), cơ quan XB, năm</i>	<i>Tổng điểm</i>			<i>Tác giả</i>	<i>Chức danh (tác giả chính, đồng tác giả)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Sách:					- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Chủ biên, chính (1/5 điểm) - Đồng tác giả (4/5 điểm)		
2	Sách:								
D	PHÁT MINH, SÁNG CHẾ, GPHL, TBKT, SK...								
<i>STT</i>	<i>Tên phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích...</i>	<i>Số QĐ, năm, cơ quan cấp</i>	<i>Tổng điểm</i>			<i>Tác giả</i>	<i>Chức danh (tác giả chính, đồng tác giả)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Sáng chế:					- Nguyễn Văn A - Nguyễn Văn B - Nguyễn Văn C	- Tác giả chính (50%) - Đồng tác giả (50%)		
2	Sáng kiến:								
E	GIẢI THƯỞNG KHCN								
<i>STT</i>	<i>Tên giải thưởng KHCN/ Hạng/Lĩnh vực trao giải</i>	<i>Số QĐ, năm, cơ quan cấp giải</i>	<i>Tổng điểm</i>			<i>Tác giả</i>	<i>Chức danh (tác giả chính, đồng tác giả)</i>	<i>Điểm từng người</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Giải:					- Nguyễn Văn A	- Tác giả chính (50%)		

Số: /QĐ-VHS-KHCN

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điểm công trình khoa học năm ...

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-BQG-TCCB ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-VHS ngày .../.../20... của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản về việc ban hành Quy định tính điểm công trình khoa học áp dụng tại Viện nghiên cứu Hải sản;

Căn cứ kết quả rà soát tính điểm công trình khoa học đối với các đơn vị, cá nhân của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện nghiên cứu Hải sản ngày .../.../20...

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điểm công trình khoa học năm cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc Viện nghiên cứu Hải sản (Kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này là một trong những căn cứ để xác định thành tích nghiên cứu khoa học năm cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc Viện nghiên cứu Hải sản.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo; Trưởng các đơn vị, cán bộ, công chức viên chức và lao động thuộc Viện chịu thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Viện;
- Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: VT, KHCN.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Bát

Phụ lục 1:

ĐIỂM CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM
CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-VHS-KHCN ngày ... / ... /20...
của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản)*

Stt	Đơn vị <i>(Sắp xếp thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp theo Điểm trung bình cá nhân/đơn vị)</i>	Tổng điểm	Điểm trung bình cá nhân/đơn vị
1			
2			
3			
	Tổng điểm/Trung bình:		

Phụ lục 2:

**ĐIỂM CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM
CỦA CÁC CÁ NHÂN TRỰC THUỘC VIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-VHS-KHCN ngày ... /... /20...
của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản)*

Stt	Họ và tên <i>(Sắp xếp thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp)</i>	Tổng điểm
1		
2		
3		
	Tổng điểm/Trung bình:	